

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/3/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh;

2. Bà Đinh Thị Thanh Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 363/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/9/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố C, phường T, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện nay: Xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Phạm Đình T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2022, đơn khởi kiện (bổ sung) ngày 14/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Phạm Đình T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, đăng ký kết hôn ngày 05/4/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường T, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông T xúc phạm, đánh đập bà H nhiều lần làm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của bà H. Bà H đã bỏ về quê T sống ly thân với ông T từ ngày 25/9/2022 cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng bà đề

ngợi được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có hai người con chung là Phạm Minh T1 sinh ngày 19/9/2010 và Phạm Tường V sinh ngày 20/12/2016. Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu khi ly hôn giao cháu V cho bà trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu T1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà và ông T không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại bản trình bày ý kiến đề ngày 26/9/2022, bà cho rằng các cháu đang sinh sống, học tập ổn định tại thành phố Quảng Ngãi nên bà đề nghị Tòa án giao hết hai con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/9/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Đình T trình bày: Ông thống nhất với trình bày của bà H về việc tìm hiểu, kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung.*

Về quan hệ hôn nhân: Ông thừa nhận khi vợ chồng mâu thuẫn, ông có nóng giận xô xát với bà H, ông vẫn thương yêu vợ nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Trong trường hợp ly hôn thì ông yêu cầu giao hai con cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tổng đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, bà H được ly hôn với ông T, giao hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Đình T hiện đang cư trú tại tổ dân phố C, phường T, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo trình tự sơ thẩm.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tuy nhiên nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn đã có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án và đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/4/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S nay là phường T, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi nên đây quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tại Biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn lập ngày 05/10/2022 tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, thành phố QNg thì đại diện Ủy ban nhân dân phường cho biết ông T và bà H trong quá trình chung sống thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, hiện nay bà H không còn sống cùng nhà với ông T. Bà H, ông T đều thừa nhận có mâu thuẫn trầm trọng xảy ra, vợ chồng đã ly thân, không ai quan tâm, yêu thương nữa nên Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà H và ông T có hai người con là cháu Phạm Minh T1 sinh ngày 19/9/2010 và Phạm Tường V sinh ngày 20/12/2016, khi ly hôn bà H giao 02 con cho ông T nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con, ông T thống nhất ý kiến về con chung với bà H, hai cháu hiện nay đang ở với ông T, cháu T1 trình bày nguyện vọng được ở với cha vì vậy căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của hai cháu thì yêu cầu của bà H là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 92, 144, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

2. Bà Lê Thị H được ly hôn ông Phạm Đình T.

3. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh T1 sinh ngày 19/9/2020 và cháu Phạm Tường V sinh ngày 20/12/2016 cho ông Phạm Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà Lê Thị H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Lê Thị H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003835 ngày 16/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND.TP.Quảng Ngãi;
- CCTHADS.TP.Quảng Ngãi;
- UBND p. Trương Quang Trọng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ly